

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số : 951/2017/HNGĐ-ST

Ngày : 15/8/2017

V/v : Tranh chấp ly hôn giữa chị P và
anh H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Trình

2. Bà Cao Ngọc Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2016/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2016, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số 2444/3/8 đường N, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Số 2444/3/8 đường N, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2016 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Chị P và anh Trần Minh H chung sống vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số XX, quyền số 01/2005, đăng ký ngày Y/Z/2005. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Vào năm 2015, chị P có nộp đơn xin ly hôn anh H tại Tòa, vì muốn cho anh H có cơ hội sửa đổi nên chị P đã đồng ý cùng anh H đoàn tụ gia đình theo Quyết định công nhận sự

thỏa thuận của các đương sự số 996/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8, tuy nhiên dù đã cố gắng hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Hai bên đã không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Do đó, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh H. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Trúc U, sinh ngày 15/11/2006, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P tự khai không có tài sản chung và không nợ gì của ai.

Bị đơn anh Trần Minh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Anh H đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng P thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là anh Trần Minh H có nơi cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Trần Minh H chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số XX, quyển số 01/2005, đăng ký ngày Y/X/2005, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị P, chị P trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không quan tâm chăm sóc cho gia đình, dù đã cố gắng hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Hai bên đã không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị P yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị P là có căn cứ cần giải quyết. Xét thấy anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh H vẫn vắng mặt và anh H cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện anh H không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, về phía chị P cũng đã từng cho anh H cơ hội để đoàn tụ gia đình nhưng tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị P cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị P và anh H có 01 con chung tên Trần Ngọc Trúc U, sinh ngày 15/11/2006, hiện chị P đang nuôi dưỡng. Chị P có yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu này là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ: Đương sự tự khai không có tài sản chung và không có nợ gì của ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ Luật tố tụng Dân sự và Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Trần Minh H.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Trần Ngọc Trúc U, sinh ngày 15/11/2006 cho chị Nguyễn Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi có yêu cầu.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ: Đương sự tự khai không có tài sản chung và không có nợ gì của ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001277 ngày 26/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị P và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho chị P và anh H hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSNDQ8;
- Chi cục THADSQ8;
- UBND P.7, Q. 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Ánh Minh